

Phần 7: Tổ Chức Thực Hiện Điều Tra Rừng

1. Tổ chức thực hiện điều tra rừng của Viện ĐTQH rừng

Kể từ năm 1961, khi thành lập Cục Điều tra rừng đến nay, ngành Điều tra rừng đã và đang thực hiện rất nhiều chương trình điều tra rừng ở các quy mô và mức độ chi tiết khác nhau. Tuy nhiên, phần này chỉ nêu việc tổ chức thực hiện các chương trình điều tra rừng ở cấp quốc gia, cụ thể là các chương trình điều tra, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc trong những năm gần đây. Các chương trình được tổ chức thực hiện như sau:

Theo phương án kinh tế kỹ thuật đã được Nhà nước phê duyệt, Bộ NN&PTNT thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia, do lãnh đạo Bộ làm trưởng ban.

Viện ĐTQHR thành lập Ban chủ nhiệm chương trình, các thành viên là lãnh đạo của phòng nghiệp vụ và Hội đồng Khoa học kỹ thuật của Viện.

Viện ĐTQH rừng có 6 phòng nghiệp vụ và 10 đơn vị trực thuộc, được bố trí trên địa bàn cả nước, trong đó có sáu Phân viện và bốn Trung tâm khoa học, công nghệ và dịch vụ.

Nội dung của chương trình điều tra rừng gồm có 4 mảng chính, đó là (1) xây dựng bản đồ hiện trạng rừng; (2) điều tra, thu thập số liệu ô sơ cấp; (3) thu thập thông tin và xây dựng các báo cáo chuyên đề; và (4) xử lý số liệu ô sơ cấp.

Trước khi triển khai thực hiện công việc, Ban chỉ đạo chương trình đã chuẩn bị những việc, bao gồm (1) thiết kế chương trình, xây dựng hệ thống quy trình kỹ thuật; (2) tổ chức làm thử rút kinh nghiệm (điều tra ô sơ cấp); (3) hội thảo KHKT và trình duyệt đề án kỹ thuật; (4) xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật theo đề án được duyệt; (5) huấn luyện chuyên môn cho các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện chương trình; (6) mua sắm vật tư thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị triển khai.

Các nội dung công việc được phân công cho các đơn vị thực hiện như sau:

Xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh, vùng và toàn quốc do Trung tâm Tài nguyên Môi trường lâm nghiệp (TNMT) kết hợp với Trung tâm Tư vấn Thông tin Lâm nghiệp, trực thuộc Viện ĐTQHR thực hiện. Trung tâm TNMT lâm nghiệp có bộ môn Viễn thám và GIS, có khoảng 20 cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm giải đoán ảnh các loại và xây dựng bản đồ nháp trong phòng. Bản đồ nháp được cán bộ của các phân viện đi kiểm tra ngoài hiện trường để hiệu chỉnh những sai sót. Khi có kết quả kiểm tra hiện trường, hai Trung tâm hoàn thiện bản đồ thành quả.

Điều tra, thu thập số liệu ô sơ cấp tại hiện trường do các Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng đóng tại địa bàn các tỉnh thực hiện. Cụ thể là Phân Viện ĐTQH rừng Đông Bắc Bộ, có Trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, chịu trách nhiệm điều tra ô sơ cấp và ô định vị tại các tỉnh thuộc vùng Đông Bắc; Phân viện ĐTQH rừng Tây Bắc Bộ, có trụ sở tại Hà Nội, điều tra ô sơ cấp và ô định vị tại các tỉnh vùng Tây Bắc; Phân viện ĐTQH rừng Bắc Trung Bộ, có trụ sở tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, chịu trách nhiệm điều tra ô sơ cấp và ô định vị tại các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ; Phân viện ĐTQH rừng Trung Trung Bộ, có trụ sở tại thành phố Huế, chịu trách nhiệm điều tra rừng ở các tỉnh thuộc vùng Trung Trung Bộ, từ Quảng Bình đến Quảng Nam; Phân viện ĐTQH rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, có trụ sở tại thành phố Quy Nhơn, chịu trách nhiệm

điều tra rừng tại các tỉnh Tây nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; Phân viện ĐTQH rừng số II, có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh, chịu trách nhiệm điều tra rừng ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Tại mỗi Phân viện, các cán bộ điều tra lại được tổ chức thành nhiều nhóm điều tra hiện trường. Mỗi nhóm biên chế khoảng 3 đến 4 người, chịu trách nhiệm điều tra một số ô sơ cấp hoặc ô định vị sinh thái nhất định, do Phân viện phân công. Trong mỗi nhóm thường có một kỹ sư hoặc một cán bộ trung cấp lâm nghiệp có kinh nghiệm làm trưởng nhóm, chịu mọi trách nhiệm về việc đi hiện trường, chi tiêu tài chính, liên hệ công việc với các địa phương, điều hành các thành viên trong nhóm thực hiện công việc. Khi kết thúc công việc ngoài hiện trường, nhóm trưởng chịu trách nhiệm hoàn thiện bộ số liệu và báo cáo lên Phân viện.

Nhóm điều tra hiện trường được trang bị một thước dây 25 m; một thước kẹp kính bằng gỗ; một địa bàn cầm tay; các loại bảng biểu; bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 trên đó có sơ đồ, vị trí của ô sơ cấp hoặc ô định vị, máy GPS và các loại văn phòng phẩm khác.

Sau khi các Phân viện thu thập xong số liệu của các ô sơ cấp và ô định vị trong địa bàn mình phụ trách, họ phải tổ chức nhập số liệu vào máy vi tính theo định dạng quy định và gửi về phòng Khoa học Kỹ thuật của Viện để nghiệm thu, phân tích, xử lý và đưa ra các thông tin cần thiết.

Các báo cáo chuyên đề khác như chuyên đề lâm học, sâu bệnh hại rừng, đa dạng động thực vật, cấu trúc rừng do Trung Tâm TNMT lâm nghiệp kết hợp với phòng Khoa học Kỹ thuật Viện xây dựng.

Cơ sở dữ liệu, xử lý số liệu ô sơ cấp do Trung tâm Tư vấn Thông tin Lâm nghiệp kết hợp với Trung tâm TNMT lâm nghiệp, và Phòng Thông tin tư liệu phối hợp thực hiện.

Phân tích đánh giá diễn biến tài nguyên rừng do Trung tâm TNMT lâm nghiệp phối hợp với các Phân viện thực hiện.

Tổng hợp báo cáo kết quả điều tra hàng năm và 5 năm do Ban Chủ nhiệm chương trình, Phòng KHKT và Phòng TTTL phối hợp thực hiện.

Nghiệm thu thành quả chương trình 5 năm do Ban điều hành Trung ương, Ban Chủ nhiệm chương trình và Hội đồng KHKT Viện và Bộ Lâm nghiệp cũ, nay là Bộ NN&PTNT cùng thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện điều tra rừng của Cục Kiểm Lâm

Theo Chỉ thị số 32/2000/CT-BNN-KL ngày 27/3/2000 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm đã bắt đầu tham gia công tác theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. Chính xác hơn, Cục Kiểm lâm chỉ tham gia theo dõi diễn biến *diện tích rừng* tại các địa phương. Số liệu gốc Cục Kiểm lâm dùng để theo dõi là kết quả của Chương trình kiểm kê rừng theo chỉ thị 286 TTg năm 1999.

Ngành Kiểm lâm có tổng số khoảng 10 nghìn cán bộ công nhân viên, làm việc ở các cơ quan Kiểm lâm từ Trung ương đến địa phương, bao gồm 1 Cục Kiểm lâm; 61 Chi cục KL đóng tại các tỉnh; 414 Hạt KL đóng tại các huyện và khoảng 4000 kiểm lâm viên phụ trách tại địa bàn

xã. Cụ thể, việc cập nhật diện tích rừng được thực hiện như sau:

Cục Kiểm lâm thiết kế, xây dựng một phần mềm có tên là Diễn Biến Diện Tích Rừng (DBR), dùng để tự động cập nhật số liệu diện tích rừng theo ba biểu số liệu chính là (1) Biểu thay đổi diện tích rừng theo các nguyên nhân; (2) Biểu diện tích 3 loại rừng; (3) Biểu diện tích các loại rừng theo chủ quản lý.

Cục Kiểm lâm tổ chức huấn luyện cho các Chi cục Kiểm lâm của các tỉnh cách sử dụng phần mềm DBR. Sau đó, các Chi cục Kiểm lâm lại tổ chức huấn luyện cho cán bộ của các Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

Dưới sự chỉ đạo của Hạt Kiểm lâm, các cán bộ kiểm lâm phụ trách tại địa bàn các xã phải chịu trách nhiệm thu thập số liệu về diện tích các loại rừng, bao gồm diện tích tăng thêm và diện tích giảm đi, sau đó điền vào ba loại biểu, lấy chứng nhận của UBND xã rồi báo cáo về Hạt Kiểm lâm huyện. Sau khi có số liệu từ xã lên, Hạt Kiểm lâm dùng phần mềm DBR để tổng hợp số liệu, lấy chứng nhận của UBND huyện rồi báo cáo lên Chi cục Kiểm lâm tỉnh. Tương tự như vậy, sau khi có chứng nhận của UBND tỉnh, Chi Cục Kiểm lâm báo cáo số liệu về Cục kiểm lâm để tổng hợp cho toàn quốc và Bộ NN&PTNT công bố hàng năm.

3. Tổ chức điều tra rừng của các đoàn ĐTQH rừng các tỉnh

Hình thức tổ chức điều tra rừng của các đoàn điều tra rừng cấp tỉnh rất đơn giản và gọn nhẹ, vì công việc của họ cũng không có nhiều. Đối với những tỉnh còn tồn tại đoàn điều tra, biên chế của các đoàn vào khoảng 20-25 người, nơi nhiều, nơi ít. Số người của đoàn phụ thuộc vào khả năng trả lương của tỉnh và khối lượng công việc cần làm.

Những công việc mà các đoàn điều tra thường phải thực hiện là điều tra các khu vực đất trống để trồng rừng; thiết kế trồng rừng; điều tra khu rừng có thể khai thác gỗ, tre nứa; thiết kế khai thác gỗ, tre nứa; Những công việc này thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh, hoặc của sở NN&PTNT hoặc làm dịch vụ cho lâm trường đóng tại địa phương.

Mỗi khi có những công việc nêu trên, các đoàn điều tra tổ chức thành các nhóm công tác đi điều tra ngoài hiện trường, mỗi nhóm khoảng 3-5 người, trong đó có một người làm nhóm trưởng. Trang thiết bị và tài liệu mang theo gồm có 01 địa bàn cầm tay, thước dây, bản đồ địa hình 1:25.000 hoặc 1:50.000, dao phát và hệ thống bảng biểu kèm theo.

4. Tổ chức thực hiện điều tra rừng của các lâm trường

Trong mỗi lâm trường đều có một phòng kỹ thuật, chịu trách nhiệm mọi việc về kỹ thuật của lâm trường, từ việc chỉ đạo trồng rừng, khai thác rừng, điều tra rừng, chăm sóc rừng, tu bổ rừng. Việc điều tra rừng trong khuôn khổ lâm trường đơn giản, chỉ là xác định khu đất trống, đòi trợc để trồng rừng; hoặc điều tra khu vực rừng có cây gỗ lớn để bài cây khai thác nếu có; hoặc điều tra cây tái sinh để tiến hành các biện pháp lâm sinh xúc tiến tăng trưởng của rừng; hoặc chăm sóc rừng trồng.

Phòng kỹ thuật của lâm trường có khoảng 5-10 người cán bộ kỹ thuật, trong đó có một trưởng phòng phụ trách chung. Khi cần điều tra một khu rừng hoặc đất rừng nào đó thuộc lâm trường, phòng kỹ thuật tổ chức thành từng nhóm đi hiện trường, mỗi nhóm khoảng 3-5 người, tùy theo yêu cầu và điều kiện cụ thể của công việc.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật của các lâm trường còn rất thiếu thốn, trang thiết bị cho điều tra rừng chỉ có thước dây, dao phát, địa bàn cầm tay và bản đồ địa hình. Khi cần tính toán trữ lượng gỗ khai thác, cán bộ lâm trường cũng lập ô đo đếm để đo các chỉ tiêu. Nhưng những ô đo đếm này không theo một hệ thống tiêu chuẩn nào và chỉ là những ô đo đếm tạm thời, sử dụng một lần.

5. Sự phối hợp giữa các cơ quan trong điều tra rừng

Trong việc thực hiện các chương trình ĐT, ĐG, và TD tài nguyên rừng toàn quốc chưa có sự kết hợp chặt chẽ của các cơ quan liên quan. Trước năm 2000, chỉ có Viện ĐTQH rừng là cơ quan duy nhất thực hiện chương trình này. Từ năm 2000 trở đi, Viện ĐTQH rừng phối hợp với Cục Kiểm lâm cùng thực hiện chương trình ĐT, ĐG, và TD tài nguyên rừng toàn quốc 2001-2005, nhưng sự kết hợp này vẫn chưa thực sự phát huy hiệu quả.

6. Những khó khăn trong công tác tổ chức điều tra rừng

Đất lâm nghiệp rất rộng lớn, chiếm khoảng 60% diện tích toàn quốc, nhưng chúng lại phân bố ở vùng sâu, vùng xa, ở những nơi có điều kiện địa hình và kinh tế xã hội cực kỳ khó khăn, nơi mà con người rất khó tiếp cận. Vì vậy, điều tra rừng là công việc nhọc nhằn, gian khổ và đang gặp một số khó khăn, cụ thể là:

Kinh phí đầu tư cho chương trình điều tra rừng còn rất thấp, không đáp ứng được yêu cầu công việc vì chi phí cho việc di chuyển từ khu rừng này đến khu khác là rất lớn.

Trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ điều tra còn thiếu thốn, lạc hậu rất nhiều so với khu vực và quốc tế.

7. Đề xuất

Các cơ quan thực hiện việc điều tra hiện trạng rừng và sử dụng đất ở cấp trung ương và cấp địa phương như: Viện ĐTQH rừng; Cục Kiểm lâm; Các Đoàn điều tra thiết kế Nông Lâm nghiệp các tỉnh... có thể bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Hệ thống điều tra rừng phải có sự phân cấp và có sự điều hành thống nhất từ trung ương tới địa phương, tránh thực hiện chồng chéo. Cơ sở dữ liệu điều tra rừng phải được tập trung vào một đầu mối và kết nối thông tin với các cấp để dễ dàng cập nhật và khai thác thông tin. Cơ sở dữ liệu điều tra rừng cũng cần phải được thiết kế và quản lý một cách khoa học, có khả năng cập nhật thường xuyên, có khả năng khai thác thông tin một cách dễ dàng, kịp thời và chính xác cho người sử dụng. Có như vậy, các thông tin điều tra rừng mới kịp thời phục vụ cho công tác lập kế hoạch và quản lý rừng một cách hiệu quả.

Phụ biểu 1: Mẫu phiếu điều tra trong ô mẫu (ô sơ cấp)

TN1 : HỒ SƠ Ô SƠ CẤP

ĐIỀU TRA THEO DỐI DIỄN BIẾN TÀI NGUYÊN RỪNG

Ngày điều tra:

Người điều tra:.....

Lần điều tra thứ:.....

(Nếu lần thứ ba thì ghi số 3, lần thứ hai thì ghi số 2, lần đầu tiên thì ghi số 1, trả lời tiếp câu hỏi sau)

Có gặp lại tâm ÔSC lần trước không? Có Không

A. Phần mô tả chung:

1. Số hiệu ô sơ cấp: Toàn quốc:

.....
tỉnh:.....
Nội

2. Thuộc mảnh bản đồ:.....

3. Toạ độ lưới km: Ngang :..... Dọc:

4. Thuộc tỉnh: Huyện:

Xã:

5. Thuộc chủ quản lý:

6. Trạng thái trên ảnh vệ tinh:

7. Phương pháp xác định toạ độ:Số hiệu máy:

8. Tiểu khu.....

9. Chức năng: Phòng hộ Sản xuất Đặc dụng

B. Cụ ly gần nhất đến:

Điểm dân cư:.....Cách km

Chợ:Cách km

Đường bộ:Cách..... km

Đường thủy:Cách..... km

Đường sắt:Cách km

Thống kê mạng lưới đường giao thông trong ô sơ cấp

Đường quốc lộ, tỉnh lộ:..... m

Đường vận chuyển lâm nghiệp:.....m

Đường dân sinh:.....m

C. Diện tích các loại đất đai, loại rừng trong diện tích ÔSC (100 ha)

Loại đất đai, loại rừng		Số hiệu lô và diện tích lô							Tổng cộng
		2	3	4	5	6	7	8	
1	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								

	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
	SH lô								
	diện tích								
Tổng cộng									

PHIẾU TN2 : PHIẾU ĐIỀU TRA DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

Tỉnh : Số hiệu ÔSC Toàn quốc.....Nội tỉnh.....

Huyện.....Xã.....Thôn (bản).....Lần điều tra.....

Số TT	Hạng mục thống kê	Đơn vị tính	Tên dân tộc				Tổng cộng
			Kinh	Mường	
1	Dân tộc						
2	Số hộ	hộ					
3	Nhân khẩu - Tổng	người					
	Trong đó: Nam	người					
	Nữ	người					
4	Lao động - Tổng	người					
	Trong đó: Nam	người					
	Nữ	người					
5	Ruộng đất - Tổng	ha					
5.1	<i>Ruộng lúa</i>	<i>ha</i>					
	- Lúa nước 1 vụ	ha					
	- Lúa nước 2 vụ	ha					
	- Lúa nương rẫy	ha					
5.2.	<i>Các loại hoa màu</i>	<i>ha</i>					
	- Màu trên ruộng khô	ha					
	- Màu trên nương rẫy	ha					
5.3	<i>Cây công nghiệp</i>	<i>ha</i>					
	- Cây ngắn ngày	ha					
	- Cây dài ngày	ha					
6	Chăn nuôi	con					

Số TT	Hạng mục thống kê	Đơn vị tính	Tên dân tộc				Tổng cộng
			Kinh	Mường	
	- Trâu	con					
	- Bò	con					
	- Ngựa	con					
	- Gia súc khác	con					
	- Gia cầm các loại	kg/năm					
	- DT thả cá	m ²					
7	Năng suất lúa - 1 vụ	tấn/ha					
	- 2 vụ	tấn/ha					
	- Năng suất lúa nương	tấn/ha					
	- Năng suất màu qui thóc	tấn/ha					
	- Giá trị cây công nghiệp	1000 ^d /ha					
8	Tổng sản lượng						
	- Thóc	tấn					
	- Màu qui thóc	tấn					
	- Cây công nghiệp	1000 ^d					
9	DT phát nương hàng năm	ha					
10	Nhu cầu lâm sản						
	- Gỗ	m ³					
	- Củi	ster					
	- Tre nứa	1000 cây					
11	Tập quán canh tác của địa phương (ghi tóm tắt)						

Người điều tra:.....

Ngày điều

PHIẾU TN3: ĐIỀU TRA THU THẬP TRONG Ô ĐO ĐẾM

Điều tra lần thứ.....

A. Mô tả điều kiện hoàn cảnh của ô đo đếm

- 1. Số hiệu ôsc toàn quốc.....
- 2. Số hiệu ô đo đếm.....
- 3. Vị trí địa hình: chân Sườn Đỉnh
- 4. Độ cao so với mặt biển.....
- 5. Hướng dốc chính.....
- 6. Độ dốc trung bình.....
- 7. Tỷ lệ đá nổi.....
- 15. Thổ nhưỡng: Đất đai chia 3 cấp: Thịt hoặc sét Cát pha Cát
- Nguồn gốc đất trồng: ĐT từ Rẫy mới bỏ hoa Rừng cháy
- 8. Tên loài cây bụi.....
- 9. Chiều cao cây bụi..... m
- 10. Tên loài thảm tươi.....
- 11. Chiều cao thảm tươi..... m
- 12. Trạng thái.....
- 13. Kiểu tác động.....
- 14. Đặc điểm ô.....

Rừng bị khai thác liên tục

Độ ẩm chia 3 cấp: Rất ẩm ẩm trung bình Khô

Độ dày tầng mùn..... cm Dạng lập địa (*Ký hiệu*).....

B. Đo đếm cây tái sinh

TT	Loài cây	Hvn (dm)	Tuổi	ĐK tán			Chất lượng			Nguồn gốc	
				TB	ĐT	BN	Khoẻ	Yếu	TB	Hạt	Chồi

Người điều tra.....

Ngày điều tra.....

C. Ghi chép các cây trong ô đo đếm số:.....

TT	Tên loài cây	Số cây Đ Đ	D _{1,3} (cm)	Phẩm chất theo đoạn				Chiều cao (mét)		ghi chú
				1	2	3	4	Vút ngọn	Dưới cành	
				Ghi chép cho tre nứa						
S bụi	Non	Vừa	Già							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.										
2.										
3.										
4.										
5.										
6.										
7.										
8.										
9.										
10.										
11.										
12.										
13.										
14.										
15.										
16.										
17.										
18.										
19.										
20.										
21.										
22.										

23.										
24.										
25.										
26.										
27.										
28.										
29.										

Người điều tra:Ngày điều tra:.....

Mục D (của phiếu TN3)**ĐIỀU TRA ĐO ĐẾM CÂY ĐẶC SẢN**

Điều tra lần thứ:..... Người điều tra:..... Ngày điều tra:.....

1. Số hiệu ÔSC toàn quốc:..... 2. Số hiệu ô đo đếm:.....

Tên loài cây đặc sản	Số cây đo đếm	Sản lượng	Mùa ra hoa	Cường độ khai thác
Cây chủ cánh kiến				
Cây lấy dầu, nhựa				
Cây làm thuốc				
Tre nứa				

Mây song				
Cây ăn quả: Dẻ gai				
Loài cây khác				

PHIẾU TN5 :
ĐIỀU TRA ĐỘNG VẬT RỪNG

Số hiệu ô:..... Điều tra lần thứ:.....
 Toàn quốc:..... Ngày điều tra:.....
 Nội tỉnh:..... Người phỏng vấn:.....
 Tỉnh:..... Huyện:.....Xã:.....
 Thôn (bản):.....Dân tộc:..... Số nhân khẩu:.....
 Số thợ săn:..... Số súng kíp:..... Súng hai nòng:.....
 Súng thể thao:..... Súng trận:..... Số hiệu mảnh BD:.....
 Tên người được phỏng vấn:.....

Tên loài chim thú cần phỏng vấn	Mật độ	SC/năm/bản	Tên loài chim thú cần phỏng vấn	Mật độ	SC / năm / bản
1	2	3	4	5	6
1. Hổ			13. Voi		
2. Gấu Chó			14. Hươu Xạ		
3. Gấu Ngựa			15. Vượn		
4. Chó Sói			16. Vượn Đen		
5. Báo Hoa Mai			17. Voọc Chà Vá		
6. Báo Gấm			18. Voọc Mũi Hếch		
7. Beo Lửa			19. Voọc Xám		
8. Cà Tong			20. Voọc Bạc Má		
9. Hươu Vàng			21. Khi Mặt Đỏ		
10. Nai			22. Công		
11. Mang			23. Trĩ Sao		
12. Lợn Rừng			Loài khác		

TN6: PHIẾU MÔ TẢ TRÊN ĐƯỜNG ĐIỀU TRA

Số hiệu OSC: Điều tra lần
 thứ:.....

Toàn quốc:..... Ngày điều tra:.....

Nội tỉnh:..... Người điều
 tra:.....

Số hiệu tuyến	Cự ly (lấy tròn 5m)		Số hiệu lô	Trạng thái lô	Đặc điểm	Ghi chú
	Từ mốc	Đến mốc				

PHÉU ĐO ĐẠC ĐỊA BÀN

Số hiệu ôsc toàn quốc:.....

Tỉnh.....

Nội tỉnh.....

Trang số.....

Xã.....

Đường điều tra.....

Huyện.....

Số hiệu máy.....

Điểm đặt máy	Điểm ngắm	Góc phương vị		Góc đứng (độ)	Khoảng cách		Ghi chú
		Trị số đọc	Trị số T.B		Nghiêng (m)	Bằng (m)	

